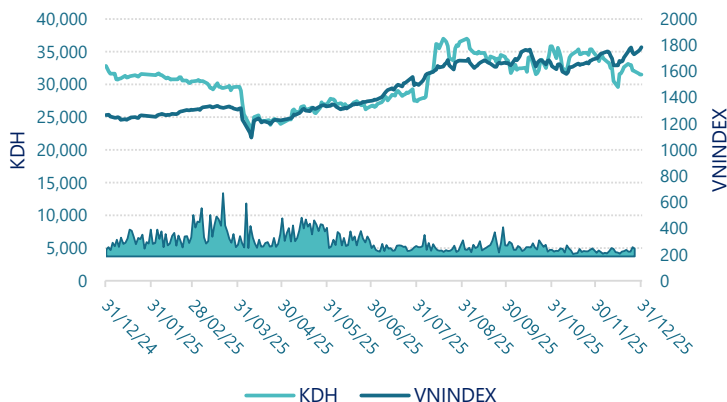




CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HSX: KDH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	31,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,045
SL cổ phiếu LH	1,122,214,899
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,998,535
% sở hữu nước ngoài	27.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35,350
P/E	33.6
EPS	938

DT thuần

Q4/25

1,816

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 718 | 65.4%

YoY: ▼ 232 | -11.3%

LN sau thuế

Q4/25

793

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 267 | 50.8%

YoY: ▲ 400 | 102%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

43.6%

+/- YoY: ▲ 11.6%

DT thuần

2025

4,674

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,395 | 42.6%

LN sau thuế

2025

1,634

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 830 | 103%

ROE

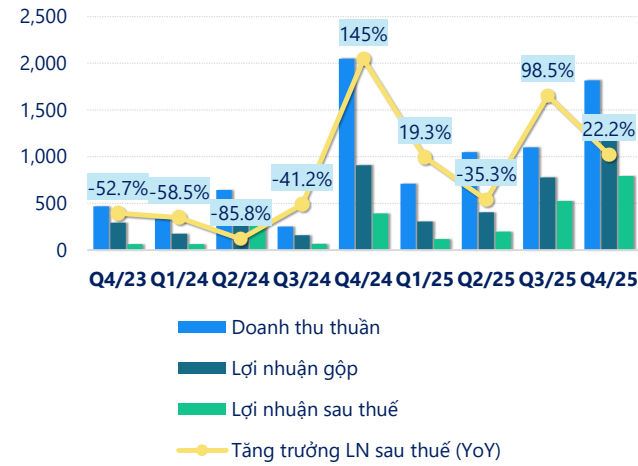
2025

5.2%

+/- YoY: ▲ 0.5%

tỷ VNĐ

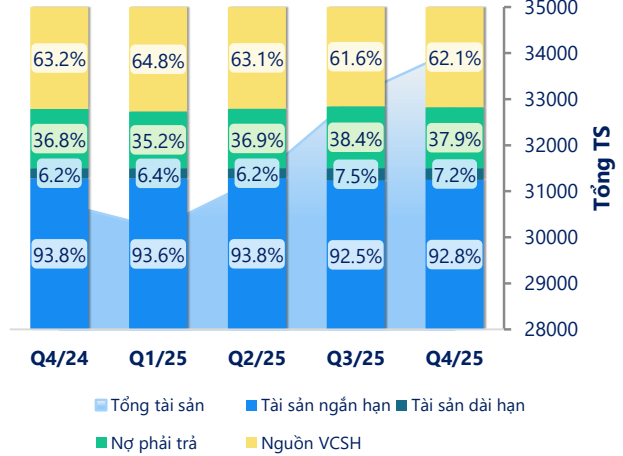
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

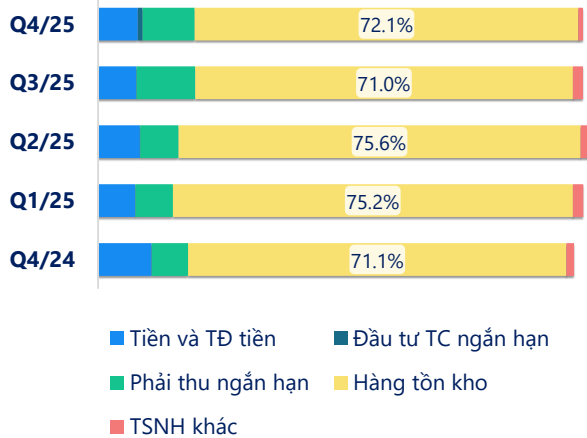
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



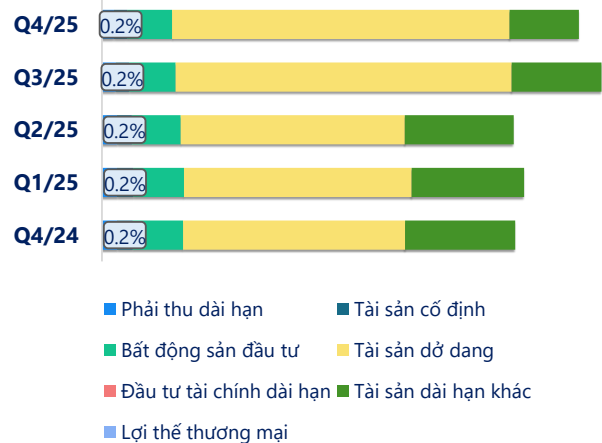
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

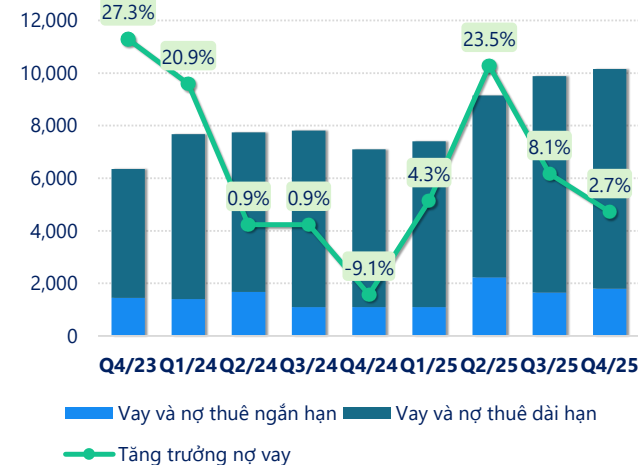
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

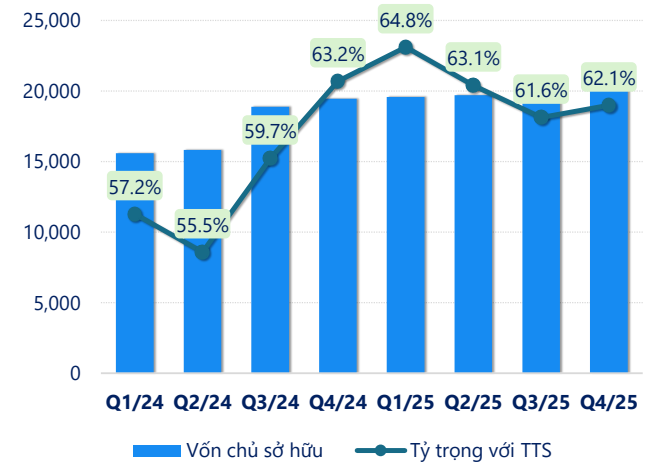
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

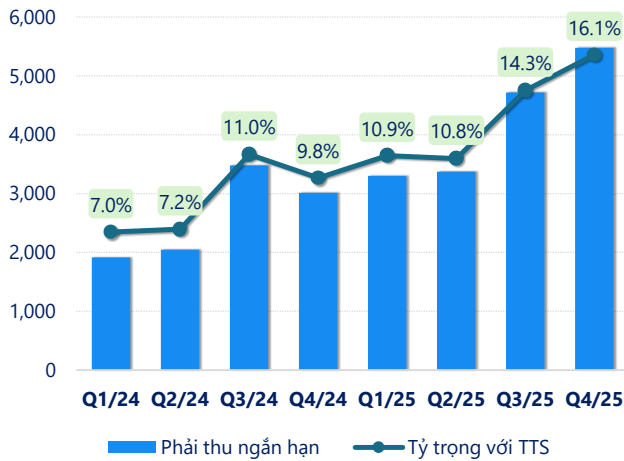
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


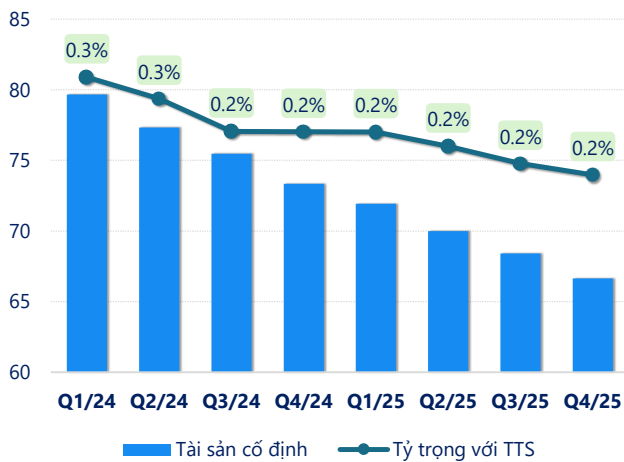
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

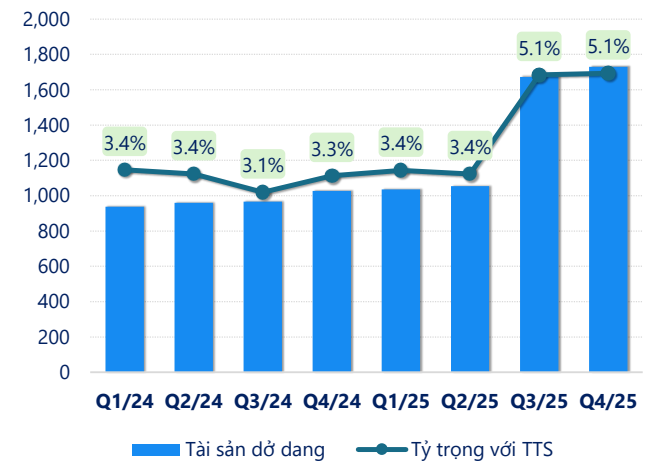

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

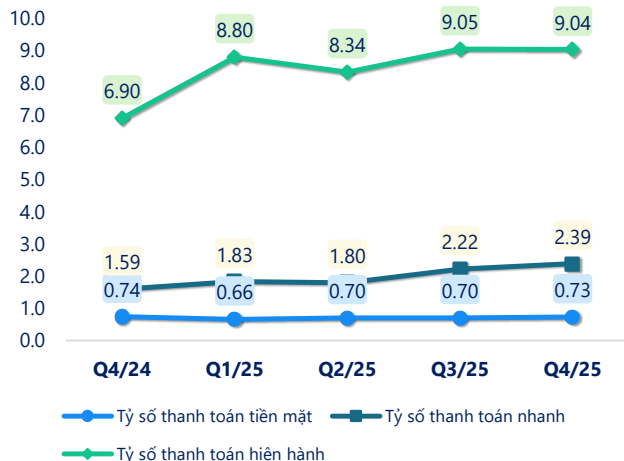
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

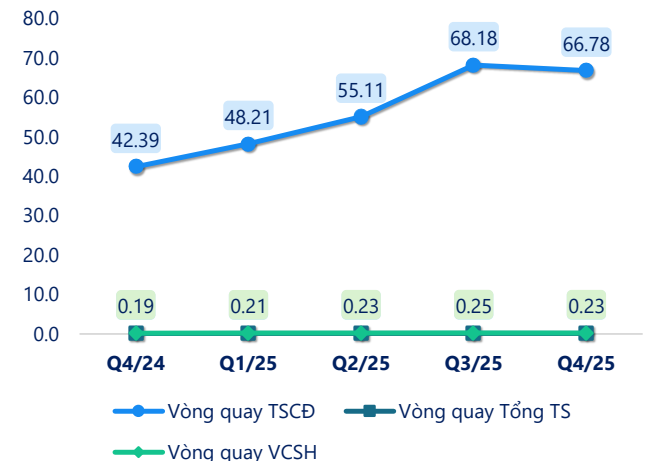
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	30,753	30,202	31,255	33,081	34,064
Tài sản ngắn hạn	28,840	28,283	29,319	30,594	31,619
Tiền và tương đương tiền	3,096	2,107	2,460	2,378	2,547
Đầu tư tài chính ngắn hạn	277	260	371	305	209
Phải thu ngắn hạn	3,013	3,303	3,370	4,716	5,478
Hàng tồn kho	22,180	22,404	23,007	23,086	23,264
Tài sản ngắn hạn khác	276	209	109	109	122
Tài sản dài hạn	1,913	1,919	1,936	2,486	2,445
Phải thu dài hạn	69.0	69.0	71.0	67.6	62.4
Tài sản cố định	73.3	71.9	70.0	68.4	66.6
Bất động sản đầu tư	233	231	230	231	230
Tài sản dở dang	1,027	1,035	1,053	1,672	1,731
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	510	511	512	447	355
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	11,302	10,634	11,546	12,703	12,893
Nợ ngắn hạn	4,179	3,214	3,516	3,381	3,499
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,100	1,100	2,226	1,651	1,802
Phải trả người bán ngắn hạn	288	221	200	144	113
Nợ dài hạn	7,123	7,420	8,031	9,322	9,394
Vay và nợ thuê dài hạn	5,998	6,300	6,917	8,233	8,348
Nguồn vốn chủ sở hữu	19,450	19,568	19,708	20,378	21,171
Vốn chủ sở hữu	19,450	19,568	19,708	20,378	21,171
Vốn điều lệ	10,111	10,111	10,111	11,222	11,222
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)